

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG

Số: [Số]/[Năm]/LNGVA/DTM/HD/PVGASPMC-[Nhà thầu]

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN KHO LNG BẮC TRUNG BỘ (KHO LNG VŨNG ÁNG)

giữa

**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CTCP
CÔNG TY QUẢN LÝ DỰ ÁN KHÍ**

và

_____ **[NHÀ THẦU]** _____

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	4
PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH.....	5
PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG.....	6
PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG.....	7
Điều 1. Dẫn giải	7
Điều 2. Loại Hợp Đồng.....	7
Điều 3. Hồ sơ Hợp Đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên.....	8
Điều 4. Trao đổi thông tin.....	8
Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp Đồng	8
Điều 6. Bảo đảm thực hiện Hợp Đồng và bảo lãnh tạm ứng Hợp Đồng	8
Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Hợp Đồng	9
Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn	9
Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn.....	9
Điều 10. Giá hợp đồng.....	10
Điều 11. Điều chỉnh Hợp Đồng	10
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của BÊN B	12
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của BÊN A.....	15
Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có).....	16
Điều 15. Nhân lực của BÊN B.....	16
Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu	17
Điều 17. Bảo hiểm	18
Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng	18
Điều 19. Tạm ngừng công việc trong Hợp Đồng	20
Điều 20. Chấm dứt Hợp Đồng.....	21
Điều 21. Quyết toán và thanh lý Hợp Đồng	23
Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn	23

Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp Đồng	23
Điều 24. Tạm ứng và thanh toán.....	24
Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp.....	24
Điều 26. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại.....	25
Điều 27. Điều khoản chung	25
PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG	27
Điều 1. Loại Hợp Đồng.....	27
Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp Đồng	27
Điều 3. Bảo đảm thực hiện Hợp Đồng và bảo lãnh tạm ứng Hợp Đồng.....	27
Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn	27
Điều 5. Giá Hợp Đồng	27
Điều 6. Điều chỉnh Hợp Đồng	27
Điều 7. Nhân lực của BÊN B.....	28
Điều 8. Chấm dứt hợp đồng.....	28
Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn	29
Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp Đồng	29
Điều 11. Tạm ứng và thanh toán.....	29
Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp.....	32
Điều 13. Phạt, Bồi thường thiệt hại	32
Điều 14. Điều khoản chung	34

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
E-HSMT	Hồ sơ mời thầu
E-HSDT	Hồ sơ dự thầu
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội.
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Nghị định 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp Đồng xây dựng
Nghị định 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp Đồng xây dựng
Nghị định 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng
Nghị định 175/2024/NĐ-CP	Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng
Nghị định 181/2025/NĐ-CP	Nghị định 181/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thuế giá trị gia tăng
Thông tư 02/2023/TT-BXD	Thông tư 02/2023/TT-BXD ngày 03/03/2023 về việc hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng



Hợp đồng Đánh giá tác động môi trường
Dự án Kho LNG Bắc Trung Bộ (Kho LNG Vũng Áng)

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày tháng năm ____ tại văn phòng Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP – Công ty Quản lý Dự án Khí, tầng 11, Tòa nhà PVGAS Tower – 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Nhà Bè, TP.HCM, chúng tôi gồm các BÊN dưới đây:

BÊN A: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CTCP – CÔNG TY QUẢN LÝ DỰ ÁN KHÍ

Sau đây gọi là BÊN A/Chủ đầu tư, có văn phòng đăng ký tại:

Địa chỉ:	Tầng 11 tòa nhà PVGas Tower, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(84) 028.37840181
Fax:	(84) 028.37840180
Mã số thuế:	3500102710 – 018
Tài khoản:	3130257347 – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn
Đại diện:	Ông Lê Đức Hiệu
Vị trí:	Phó Giám đốc Phụ trách

BÊN B:

Sau đây gọi là BÊN B/nhà thầu tư vấn, có văn phòng đăng ký tại:

Địa chỉ:	
Điện thoại:	
Fax:	
Mã số thuế:	
Tài khoản:	
Đại diện:	
Vị trí:	

HAI BÊN CÙNG THỐNG NHẤT KÝ HỢP ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG THUỘC DỰ ÁN KHO LNG BẮC TRUNG BỘ (KHO LNG VŨNG ÁNG) NHƯ SAU:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 và Luật sửa đổi một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 ngày 25/6/2016;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp Đồng xây dựng và Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01//2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về việc Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;

Căn cứ Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về Hợp Đồng xây dựng;

Căn cứ Biên bản thương thảo Hợp Đồng giữa BÊN A và BÊN B ngày ___/___/2025;

Căn cứ Quyết định số ___/QĐ-DAK ngày ___/___/___ của Phó Giám đốc Công ty Quản lý Dự án Khí về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Đánh giá tác động môi trường thuộc Dự án Kho LNG Bắc Trung Bộ (Kho LNG Vũng Áng)”

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp Đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. BÊN A/Đại diện Chủ đầu tư là: Chi nhánh Tổng Công Ty Khí Việt Nam – CTCP – Công ty Quản Lý Dự Án Khí.
2. BÊN B/Nhà thầu tư vấn là _____.
3. Dự án là dự án Kho LNG Bắc Trung Bộ (Kho LNG Vũng Áng).
4. Gói thầu là: Đánh giá tác động môi trường.
5. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong Hợp Đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.
6. Đại diện Nhà thầu tư vấn là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong Hợp Đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.
7. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký Hợp Đồng với BÊN B để trực tiếp thực hiện công việc.
8. Hợp Đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp Đồng theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ Hợp Đồng và thứ tự ưu tiên].
9. Đơn dự thầu là đề xuất của BÊN B có ghi giá dự thầu để thực hiện công việc theo đúng các yêu cầu của E-HSMT.
10. E-HSMT là toàn bộ tài liệu hồ sơ mời thầu gói thầu Đánh giá tác động môi trường thuộc Dự án Kho LNG Bắc Trung Bộ (Kho LNG Vũng Áng) của BÊN A.
11. E-HSDT là toàn bộ tài liệu hồ sơ dự thầu của BÊN B đã tham dự thầu gói thầu Đánh giá tác động môi trường thuộc Dự án Kho LNG Bắc Trung Bộ (Kho LNG Vũng Áng).
12. BÊN là Chủ đầu tư hoặc BÊN B tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
13. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
14. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.
15. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại Hợp Đồng

Loại Hợp Đồng được quy định tại Điều 1 của **ĐKCT**.

Điều 3. Hồ sơ Hợp Đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ Hợp Đồng bao gồm Hợp Đồng tư vấn và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.
2. Các tài liệu kèm theo Hợp Đồng là bộ phận không tách rời của Hợp Đồng tư vấn. Các tài liệu kèm theo Hợp Đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:
 - a) Văn bản thông báo trúng thầu;
 - b) Điều kiện cụ thể của Hợp Đồng;
 - c) Điều kiện chung của Hợp Đồng;
 - d) Biên bản đàm phán Hợp Đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng;
 - e) Các phụ lục của Hợp Đồng:
 - + Phụ lục số 1. Phạm vi công việc
 - + Phụ lục số 2. Chi tiết Giá Hợp Đồng
 - + Phụ lục số 3. Nhân lực chủ chốt của Nhà thầu
 - + Phụ lục số 4. Các biên bản thương thảo và hoàn thiện Hợp đồng
 - f) E-HSMT của Đại diện Chủ đầu tư;
 - g) E-HSDT và các văn bản làm rõ của Nhà thầu tư vấn;
 - h) Các tài liệu khác có liên quan.
3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo Hợp Đồng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các BÊN đã quy định trong Hợp Đồng.
2. Trường hợp BÊN nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho BÊN kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu BÊN thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho BÊN kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp Đồng

1. Hợp Đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
2. Ngôn ngữ của Hợp Đồng được quy định tại Điều 2 của ĐKCT.

Điều 6. Bảo đảm thực hiện Hợp Đồng và bảo lãnh tạm ứng Hợp Đồng

- 6.1 Bảo đảm thực hiện Hợp đồng: không áp dụng.

- 6.2 BÊN B phải nộp cho BÊN A bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương giá trị khoản tiền tạm ứng trước khi BÊN A thực hiện việc tạm ứng theo quy định tại Điều 11.1 của **ĐKCT**. Nếu là liên danh các NHÀ THẦU TƯ VẤN thì từng thành viên trong liên danh phải nộp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương với giá trị khoản tiền tạm ứng cho từng thành viên.
- 6.3 Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán.
- 6.4 Nội dung Bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng phải được BÊN A chấp thuận trước khi phát hành. Bảo lãnh tạm ứng, không được hủy ngang và thanh toán vô điều kiện cho BÊN A mà không cần báo trước.

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Hợp Đồng

1. Nội dung và khối lượng công việc BÊN B thực hiện được thể hiện cụ thể trong Phụ lục số 1 [Phạm vi công việc] và các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán Hợp Đồng giữa các BÊN.
2. BÊN B cung cấp sản phẩm của Hợp Đồng như yêu cầu tại Phụ lục số 1 [Phạm vi công việc].

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn phải phù hợp với nội dung Hợp Đồng đã ký kết giữa các BÊN; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho Hợp Đồng tư vấn. Những sai sót trong sản phẩm của Hợp Đồng phải được BÊN B hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong Hợp Đồng.
2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn của Hợp Đồng như quy định tại Điều 4 của **ĐKCT**.

Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn

1. Hợp Đồng đã ký kết giữa các BÊN.
2. Hồ sơ sản phẩm tư vấn của BÊN B.
3. Phạm vi công việc được phê duyệt.
4. Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho Hợp Đồng tư vấn.

Điều 10. Giá hợp đồng

1. Giá Hợp Đồng

- a) Giá Hợp Đồng được xác định với số tiền như quy định tại Điều 5 của ĐKCT.
- b) GIÁ HỢP ĐỒNG không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện HỢP ĐỒNG, trừ trường hợp được quy định rõ tại Điều 11 – Điều chỉnh hợp đồng.
- c) Mức thuế GTGT sẽ được áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm kí Biên bản xác nhận hoàn thành công việc/ Biên bản nghiệm thu giữa 2 BÊN.

2. Nội dung của giá Hợp Đồng

- a) Nội dung của giá Hợp Đồng bao gồm:
 - Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí quản lý, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.
 - Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.
 - Chi phí đi thực địa.
 - Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của BÊN A.
 - Các khoản phí và chi phí cần thiết khác cho việc hoàn thành toàn bộ Công việc theo Phụ lục 1 – Phạm vi công việc
- b) Giá Hợp Đồng không bao gồm:
 - Chi phí cho các cuộc họp của BÊN A.
 - Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng (nếu có).
 - Chi phí chưa tính trong giá Hợp Đồng mà các BÊN đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 11. Điều chỉnh Hợp Đồng

1. Nguyên tắc điều chỉnh Hợp Đồng

- Chỉ được điều chỉnh hợp đồng cho những khối lượng công việc bổ sung hợp lý ngoài phạm vi công việc quy định tại Phụ lục 1 và các trường hợp sau:
 - + Khi Nhà nước thay đổi các chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng, thì việc điều chỉnh hợp đồng chỉ được áp dụng cho phần công việc bị ảnh hưởng của sự thay đổi chính sách đó và việc điều chỉnh thực hiện theo quy định của cơ quan ban hành, hướng dẫn thực hiện chính sách;

- + Khi dự án được điều chỉnh có ảnh hưởng đến hợp đồng, (trừ trường hợp các BÊN hợp đồng có thỏa thuận khác);
 - + Các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.
 - Việc điều chỉnh hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng bao gồm cả thời gian được gia hạn thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật;
 - Hợp đồng chỉ được điều chỉnh khi có căn cứ và được thỏa thuận bằng phụ lục hợp đồng/ Sửa đổi hợp đồng ký giữa hai BÊN.
2. Điều chỉnh khối lượng công việc của Hợp Đồng
- Khi điều chỉnh khối lượng không làm vượt giá gói thầu được phê duyệt thì BÊN A và BÊN B tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp vượt giá gói thầu được phê duyệt thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định; trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới.
 - Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của Hợp Đồng như được quy định tại Điều 6 của **ĐKCT**.
3. Điều chỉnh tiến độ của Hợp Đồng
- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng không làm kéo dài tiến độ thực hiện hợp đồng (bao gồm cả thời gian được kéo dài tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định của hợp đồng xây dựng) thì BÊN A và BÊN B thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ làm kéo dài tiến độ thực hiện hợp đồng thì BÊN A báo cáo Người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định.
 - Khi điều chỉnh tiến độ Hợp Đồng do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác như quy định tại Điều 18.2 ĐKC. BÊN A và BÊN B có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện Hợp Đồng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.
 - Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của BÊN A gây ra thì cần thực hiện các công việc sau:
 - + BÊN A, BÊN B căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện Hợp Đồng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp Đồng.

- + Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện Hợp Đồng thì BÊN A, BÊN B căn cứ nội dung Hợp Đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện Hợp Đồng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.
 - Trường hợp thời hạn hoàn thành chậm hơn so với tiến độ của Hợp đồng, các BÊN phải xác định rõ trách nhiệm của mỗi BÊN đối với những thiệt hại do chậm tiến độ gây ra.
 - Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp Đồng như quy định tại Điều 6 của ĐKCT.
4. Phương pháp, căn cứ điều chỉnh giá Hợp đồng:
- Khi điều chỉnh giá Hợp đồng dẫn đến phải điều chỉnh, bổ sung hợp đồng, BÊN A có trách nhiệm phê duyệt hoặc trình phê duyệt dự toán điều chỉnh, phát sinh theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và hợp đồng xây dựng làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.
 - Đối với những khối lượng phát sinh nằm ngoài phạm vi Hợp đồng đã ký có quy định đơn giá với tính chất công việc tương tự, thì áp dụng đơn giá quy định trong Hợp đồng;
 - Đối với những khối lượng phát sinh nằm ngoài phạm vi Hợp đồng đã ký mà chưa có quy định về đơn giá, thì hai BÊN sẽ thỏa thuận, thống nhất đơn giá hoặc nguyên tắc, phương pháp xác định giá để thực hiện khối lượng công việc này trước khi thực hiện;
 - Đối với phát sinh do bất khả kháng, các khoản điều chỉnh được xác định theo nguyên tắc thanh toán trên cơ sở chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ; hoặc tùy theo từng công việc phát sinh cụ thể, hai BÊN sẽ áp dụng đơn giá trong Hợp Đồng; hoặc đơn giá được xác định theo nội dung Điều chỉnh khối lượng công việc và được hai BÊN thỏa thuận bằng phụ lục hợp đồng.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của BÊN B

12.1 Quyền của BÊN B:

- a. Yêu cầu BÊN A cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện Dịch vụ tư vấn.
- b. Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của BÊN A hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

- c. Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi HỢP ĐỒNG và những yêu cầu trái pháp luật của BÊN A.
- d. Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (nếu có).
- e. Được quyền yêu cầu BÊN A thanh toán đúng hạn theo quy định tại Điều 24. ĐKC.

12.2 Nghĩa vụ của BÊN B:

- a. Hoàn thành CÔNG VIỆC đúng tiến độ và chất lượng theo thỏa thuận trong HỢP ĐỒNG;
- b. Bảo quản và giao lại cho BÊN A những tài liệu do BÊN A cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).
- c. Thông báo ngay bằng văn bản cho BÊN A về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, không đảm bảo chất lượng để hoàn thành CÔNG VIỆC.
- d. Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà HỢP ĐỒNG và pháp luật có quy định.
- e. Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của HỢP ĐỒNG:
 - BÊN B phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của BÊN B theo HỢP ĐỒNG, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho BÊN B trong việc thực hiện CÔNG VIỆC được quy định trong HỢP ĐỒNG.
 - Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của BÊN B để hoàn thành CÔNG VIỆC theo các điều khoản được quy định trong HỢP ĐỒNG thì BÊN B phải chịu trách nhiệm.
- f. Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho HỢP ĐỒNG và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.
- g. Nộp cho BÊN A các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong HỢP ĐỒNG. BÊN B thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến CÔNG VIỆC có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.
- h. BÊN B có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của CÔNG VIỆC trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do BÊN A tổ chức.
- i. SẢN PHẨM phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành

nghe theo quy định của pháp luật. BÊN B phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được BÊN A phê duyệt để thực hiện CÔNG VIỆC.

- j. Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của BÊN A cho tới ngày nghiệm thu SẢN PHẨM.
- k. Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định, ... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong HỢP ĐỒNG.
- l. Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của BÊN A, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.
- m. Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung HỢP ĐỒNG.
- n. BÊN B có trách nhiệm chi trả tất cả các loại thuế, phí liên quan đến việc thực hiện CÔNG VIỆC.
- o. Trong trường hợp toàn bộ hoặc một phần công việc do BÊN B thực hiện không đáp ứng được các yêu cầu đã đề ra trong HỢP ĐỒNG, BÊN B, bằng chi phí của mình, có trách nhiệm thực hiện lại hoặc điều chỉnh công việc sao cho phù hợp với yêu cầu của BÊN A và các yêu cầu quy định trong hợp đồng. Việc điều chỉnh này vẫn thuộc GIÁ HỢP ĐỒNG và trong khoảng thời gian được BÊN A quy định;
- p. BÊN B sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho BÊN A và ĐẠI DIỆN CỦA BÊN A trong việc giám sát tiến độ làm việc và đảm bảo chất lượng công việc. BÊN B cũng sẽ sẵn sàng cung cấp bất kỳ tài liệu nào theo yêu cầu của BÊN A.
- q. BÊN B có trách nhiệm duy trì và lưu trữ tất cả các tài liệu liên quan đến chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện CÔNG VIỆC, cũng như bất kỳ chi phí nào khác phát sinh theo HỢP ĐỒNG này mà BÊN A phải thanh toán. Các tài liệu này phải được lưu trữ tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành, quy định của chính phủ và pháp luật.
- r. BÊN B có trách nhiệm phối hợp cùng BÊN A giải trình, làm rõ giá trị, khối lượng mà cơ quan kiểm toán/thanh tra nhà nước, kiểm toán độc lập yêu cầu giải thích. Trường hợp BÊN B không giải trình được, bị xuất toán giảm giá trị mà BÊN B được hưởng thì BÊN B có trách nhiệm hoàn trả cho BÊN A khoản tiền trên trong vòng 15 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo của BÊN A.

12.3 Trách nhiệm riêng rẽ và trách nhiệm liên đới (áp dụng đối với nhà thầu liên danh):

Hợp đồng này ràng buộc trách nhiệm riêng rẽ và liên đới của mỗi thành viên trong

liên danh, cụ thể như sau:

- a. Các thành viên của Liên danh phải có trách nhiệm liên đới và trách nhiệm riêng đối với BÊN A về việc thực hiện các nghĩa vụ của BÊN B theo HỢP ĐỒNG;
- b. [tên của thành viên đứng đầu liên danh] là thành viên đứng đầu liên danh được chấp thuận có đầy đủ thẩm quyền để ràng buộc các thành viên liên danh tạo thành Nhà thầu trong tất cả các vấn đề liên quan đến HỢP ĐỒNG.
- c. Thành viên đứng đầu Liên danh đại diện cho Liên danh ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với BÊN A và cấp thẩm quyền liên quan theo yêu cầu hoặc thông báo của BÊN A (ngoại trừ (i) hóa đơn và công văn đề nghị thanh toán do mỗi BÊN phát hành; (ii) biên bản xác nhận hoàn thành công việc, biên bản nghiệm thu, biên bản thanh lý quyết toán hợp đồng được ký bởi các BÊN);
- d. Mọi thay đổi về thành viên Liên danh, phạm vi công việc hoặc tư cách pháp lý của Liên danh chỉ được thực hiện khi có văn bản chấp thuận trước của BÊN A. Việc BÊN A chấp thuận thay đổi (nếu có) không làm giảm hoặc miễn trừ trách nhiệm liên đới của các thành viên theo quy định tại Mục a nêu trên.

Để tránh hiểu lầm, trách nhiệm riêng rẽ và liên đới của mỗi thành viên liên danh sẽ không sẽ không bị ảnh hưởng hoặc thay đổi bởi các quy định trong Thỏa thuận liên danh hoặc bất kỳ thỏa thuận nội bộ nào giữa các thành viên.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của BÊN A

13.1. Quyền của BÊN A:

- a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn theo Hợp Đồng.
- b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn không đạt chất lượng theo Hợp Đồng.
- c) Kiểm tra chất lượng công việc của BÊN B tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của BÊN B.
- d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận Hợp Đồng.
- đ) Yêu cầu BÊN B thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

13.2. Nghĩa vụ của BÊN A:

- a) Cung cấp cho BÊN B thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong Hợp Đồng (nếu

có).

- b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo Hợp Đồng.
- c) Giải quyết kiến nghị của BÊN B theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện Hợp Đồng đúng thời hạn do các BÊN thỏa thuận trong Hợp Đồng.
- d) Thanh toán đầy đủ cho BÊN B theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong Hợp Đồng.
- đ) Hướng dẫn BÊN B về những nội dung liên quan đến dự án và HSMT (hoặc HSYC); tạo điều kiện để BÊN B được tiếp cận với công trình, thực địa.
- e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với BÊN B.
- g) Tạo điều kiện cho BÊN B thực hiện công việc tư vấn, thủ tục hải quan (nếu có).
- h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho BÊN B nếu BÊN A cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của Hợp Đồng.

Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có)

- 14.1. Đối với nhà thầu phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, nhà thầu phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ cũng như phạm vi công việc mà nhà thầu phụ sẽ đảm nhận để BÊN A xem xét chấp thuận bằng văn bản trước khi ký Hợp Đồng thầu phụ.
- 14.2. BÊN B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước BÊN A về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của nhà thầu phụ.
- 14.3. BÊN B cam kết với BÊN A rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho nhà thầu phụ được quy định trong Hợp Đồng thầu phụ.
- 14.4. Tổng giá trị công việc mà NHÀ THẦU PHỤ thực hiện không được vượt quá **50%** Giá HỢP ĐỒNG

Điều 15. Nhân lực của BÊN B

- 15.1. Nhân lực của BÊN B và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định cụ thể tại Phụ lục số 3 [Nhân lực chủ chốt của Nhà thầu].
- 15.2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Phụ lục số 3 [Nhân lực chủ chốt của Nhà thầu]. Trường hợp thay đổi

nhân sự, BÊN B phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho BÊN A, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu BÊN A không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của BÊN B thì nhân sự đó coi như được BÊN A chấp thuận.

- 15.3. BÊN A có quyền yêu cầu BÊN B thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của BÊN A hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong Hợp Đồng. Trong trường hợp này, BÊN B phải gửi văn bản thông báo cho BÊN A trong thời gian như quy định tại **ĐKCT** kể từ ngày nhận được yêu cầu của BÊN A về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do BÊN B chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.
- 15.4. BÊN B có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá Hợp Đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được BÊN A chấp thuận.
- 15.5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa BÊN A và BÊN B thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở **Phụ lục số 2 [Chi tiết giá Hợp Đồng]** và **Phụ lục số 3 [Nhân lực của Nhà thầu]**.
- 15.6. BÊN B tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. BÊN B không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá Hợp Đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

- 16.1 BÊN B sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. BÊN A được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp Đồng mà không cần phải xin phép BÊN B.
- 16.2 BÊN B phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do BÊN B thực hiện và cung cấp cho BÊN A không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc BÊN thứ ba nào.
- 16.3 BÊN A sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo Hợp Đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay BÊN thứ ba nào khác.

Điều 17. Bảo hiểm

BÊN B có trách nhiệm mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

BÊN B phải đảm bảo mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng

18.1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp Đồng trong tương lai. Trong Hợp Đồng xây dựng các BÊN phải quy định trách nhiệm của mỗi BÊN về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi BÊN trong trường hợp gặp rủi ro.

18.2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết Hợp Đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các BÊN và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các BÊN. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

18.3. Thông báo về bất khả kháng:

- a) Khi một BÊN gặp sự kiện bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho BÊN kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho BÊN kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.
- b) BÊN thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ Hợp Đồng.

18.4. Trách nhiệm của các BÊN đối với rủi ro:

- a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá Hợp Đồng thì khi rủi ro xảy ra BÊN B phải chịu

trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

- b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá Hợp Đồng.
- c) BÊN B phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho BÊN A đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.
- d) BÊN A phải bồi thường những tổn hại cho BÊN B đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

18.5. Trách nhiệm của các BÊN đối với bất khả kháng:

- a) Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một BÊN không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện BÊN bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.
- b) Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.
- c) Nếu BÊN B bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo Hợp Đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của Hợp Đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, BÊN B sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:
 - Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của Hợp Đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).
 - Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong Hợp Đồng.
- d) BÊN A phải xem xét quyết định các đề nghị của BÊN B.
- e) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ BÊN nào cho BÊN kia theo Hợp Đồng.

18.6. Chấm dứt và thanh toán Hợp Đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

- a) Nếu việc thực hiện các công việc của Hợp Đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của Hợp Đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai BÊN có

quyền gửi thông báo chấm dứt Hợp Đồng cho BÊN kia.

- b) Đối với trường hợp chấm dứt này, BÊN A sẽ phải thanh toán cho BÊN B các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong Hợp Đồng.

18.7 Các BÊN cam kết nỗ lực hết sức để giảm thiểu tác động của các rủi ro và sự kiện bất khả kháng đối với việc thực hiện HỢP ĐỒNG.

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong Hợp Đồng

19.1. Tạm ngừng công việc bởi BÊN A

Nếu BÊN B không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng, BÊN A có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, BÊN A phải nêu rõ phân lỗi của BÊN B và yêu cầu BÊN B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho BÊN A do tạm ngừng công việc.

Trường hợp BÊN có nghĩa vụ không thực hiện một công việc mà mình phải thực hiện thì BÊN có quyền có thể yêu cầu BÊN có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hoặc tự mình thực hiện hoặc giao người khác thực hiện công việc đó và yêu cầu BÊN có nghĩa vụ thanh toán chi phí hợp lý, bồi thường thiệt hại.

19.2. Tạm ngừng công việc bởi BÊN B

- a) Nếu BÊN A không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp Đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho BÊN A, BÊN B có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).
- b) Sau khi BÊN A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng, BÊN B phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.
- c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, BÊN B phải thông báo cho BÊN A để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, BÊN A xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

19.3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp Đồng thì một BÊN phải thông báo cho BÊN kia biết bằng văn bản trước 28 ngày trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai BÊN cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng đã ký kết, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp, BÊN tạm dừng thực hiện Hợp đồng không thông báo hoặc lý do tạm dừng không phù hợp với quy định của Hợp đồng thì phải bồi thường thiệt hại cho phía BÊN kia.

Điều 20. Chấm dứt Hợp Đồng

20.1. Chấm dứt Hợp Đồng bởi BÊN A

BÊN A có thể chấm dứt Hợp Đồng như quy định tại Điều 8 của **ĐKCT** kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp Đồng đến BÊN B. BÊN A sẽ được quyền chấm dứt Hợp Đồng khi:

- a) BÊN B không tuân thủ về bảo đảm thực hiện Hợp Đồng tại Điều 6 (nếu các BÊN có thỏa thuận bảo đảm thực hiện Hợp Đồng).
- b) BÊN B không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà BÊN B không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình như thời gian quy định tại Điều 8 của **ĐKCT** mà BÊN A có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của BÊN A về sai sót đó.
- c) BÊN B không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp Đồng], hoặc quy định tại Điều 8 của **ĐKCT** liên tục không thực hiện công việc theo Hợp Đồng.
- d) Chuyển nhượng Hợp Đồng mà không có sự thỏa thuận của BÊN A.
- e) BÊN B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.
- f) BÊN B từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].
- g) BÊN B cố ý trình BÊN A các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của BÊN A.
- h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 18 [Rủi ro và bất khả kháng].
- i) Sau khi chấm dứt Hợp Đồng, BÊN A có thể thuê các Nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. BÊN A và các Nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

- j) Trong trường hợp BÊN A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng do sai phạm của BÊN B (theo mục b, c, d, f của Điều 1.1 này), BÊN A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. BÊN B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho BÊN A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, BÊN B phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.

20.2. Chấm dứt Hợp Đồng bởi BÊN B

BÊN B có thể chấm dứt Hợp Đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho BÊN A theo thời gian tối thiểu như quy định tại Điều 8 của **ĐKCT** trong các trường hợp sau đây:

- a) Công việc bị ngừng do lỗi của BÊN A trong khoảng thời gian quy định tại Điều 8 của **ĐKCT**.
- b) BÊN A không thanh toán cho BÊN B theo Hợp Đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian như quy định tại Điều 8 của **ĐKCT** kể từ ngày BÊN A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.
- c) BÊN A không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].
- d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà BÊN B không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian quy định tại Điều 8 của **ĐKCT**.
- e) BÊN A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

20.3. Khi chấm dứt Hợp Đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các BÊN sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

20.4. Khi một trong hai BÊN chấm dứt Hợp Đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt Hợp Đồng, BÊN B sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

20.5. Thanh toán khi chấm dứt Hợp Đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 10 [Giá Hợp Đồng] và Điều 24 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, các chi phí khác,...).

Điều 21. Quyết toán và thanh lý Hợp Đồng

21.1. Quyết toán Hợp Đồng

- a) Việc quyết toán Hợp Đồng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.
- b) Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp Đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của BÊN A rằng BÊN B đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của Hợp Đồng, BÊN B sẽ trình cho BÊN A bộ tài liệu quyết toán Hợp Đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:
 - Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
 - Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
 - Biên bản quyết toán và thanh lý Hợp đồng đính kèm Bảng tính giá trị quyết toán Hợp Đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà BÊN A phải thanh toán cho BÊN B.
- c) Nếu BÊN A không đồng ý hoặc cho rằng BÊN B chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán Hợp Đồng, BÊN B sẽ cung cấp thêm thông tin khi BÊN A có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai BÊN. BÊN B sẽ chuẩn bị và trình cho BÊN A quyết toán Hợp Đồng như hai BÊN đã thống nhất.
- d) Sau khi Hợp Đồng được quyết toán theo quy định, BÊN A sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của Hợp Đồng cho nhà thầu.

212. Việc thanh lý Hợp Đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày các BÊN hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp Đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 20 [Chấm dứt Hợp Đồng].

Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành như quy định tại Điều 9 của **ĐKCT**.

Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn do BÊN B cung cấp, BÊN A căn cứ vào Hợp Đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn BÊN B phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong Hợp Đồng.

Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp Đồng tư vấn

23.1 Tiến độ thực hiện Hợp Đồng như quy định tại Điều 10 của **ĐKCT**.

- 23.2 Tiến độ chi tiết: Thời gian và phân công việc hoàn thành như quy định tại Điều 10 của **ĐKCT**.
- 23.3 Trong thời gian thực hiện Hợp Đồng, trường hợp BÊN B hoặc BÊN A gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp Đồng thì một BÊN phải thông báo cho BÊN kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một BÊN, BÊN kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn Hợp Đồng, các BÊN sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp Đồng.
- 23.4 Việc gia hạn thời gian thực hiện Hợp Đồng không được phép làm tăng giá Hợp Đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của BÊN B.

Điều 24. Tạm ứng và thanh toán

24.1 Tạm ứng:

Như quy định tại Điều 11 của **ĐKCT**.

24.2 Tiến độ thanh toán

Số lần thanh toán như quy định tại Điều 11 của **ĐKCT**.

Giá trị mà BÊN A sẽ thanh toán cho nhà thầu theo các lần thanh toán cụ thể như quy định tại Điều 11 của **ĐKCT**.

Lần cuối cùng sau khi BÊN B hoàn thành các công việc theo nghĩa vụ trong Hợp Đồng.

24.3 Trong thời gian như quy định tại Điều 11 của **ĐKCT**, kể từ ngày BÊN A nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của BÊN B, BÊN A phải thanh toán cho BÊN B.

24.4 Hồ sơ thanh toán được quy định như tại Điều 11 **ĐKCT**.

24.5 Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

25.1 Khi một BÊN phát hiện BÊN kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp Đồng thì có quyền yêu cầu BÊN kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp Đồng đã ký kết. Khi đó BÊN phát hiện có quyền khiếu nại BÊN kia về nội dung này. BÊN kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong thời gian như quy định tại Điều 12 của **ĐKCT**. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của BÊN kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với Hợp Đồng đã ký, BÊN phát hiện phải thông báo ngay cho BÊN kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không BÊN nào có

khiếu nại thì các BÊN phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, BÊN nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của BÊN kia là không phù hợp với Hợp Đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu BÊN nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do BÊN kia đưa ra.

- 25.2 Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, các BÊN sẽ có gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.
- Thời gian để tiến hành hòa giải như quy định tại Điều 12 của **ĐKCT**.
 - Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các BÊN được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật như quy định tại Điều 12 của **ĐKCT** kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp Đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các BÊN.
 - Giải quyết tranh chấp như quy định tại Điều 12 của **ĐKCT**.
- 25.3 Hợp Đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 26. Phạt, bồi thường thiệt hại

26.1 Phạt vi phạm Hợp Đồng

Nếu BÊN B chậm tiến độ thực hiện Hợp Đồng như quy định tại Điều 13 của **ĐKCT** thì sẽ bị phạt như quy định tại Điều 13 của **ĐKCT** nhưng tổng số tiền phạt không quá mức như quy định tại Điều 13.1 của **ĐKCT**.

26.2 Bồi thường thiệt hại: quy định tại Điều 13.2 **ĐKCT**.

Điều 27. Điều khoản chung

- 27.1 Các BÊN đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp Đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của BÊN nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp Đồng; Không BÊN nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.
- 27.2 Các BÊN cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp Đồng.
- 27.3 Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm như quy định tại Điều 14 của **ĐKCT**.

27.4 Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ Hợp Đồng, giá trị pháp lý, số bản BÊN A sẽ giữ, số bản BÊN B sẽ giữ như quy định tại Điều 14 của ĐKCT.

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại Hợp Đồng

Loại hợp đồng: Hợp Đồng trọn gói.

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp Đồng

Ngôn ngữ của Hợp Đồng được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 3. Bảo đảm thực hiện Hợp Đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng Hợp Đồng (đối với trường hợp các BÊN thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng)

Bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Không áp dụng.

Bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng: Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành từ một Tổ Chức Tín Dụng Đáp Ứng Điều Kiện, cam kết thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng cho Bên A trong trường hợp Bên B vi phạm và/hoặc không thể thực hiện Hợp Đồng.

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn

Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn của Hợp Đồng như quy định tại Phạm vi công việc được thể hiện cụ thể trong Phụ lục số 1 [Phạm vi công việc]

Điều 5. Giá Hợp Đồng

Giá Hợp Đồng trọn gói:

Bằng số: _____ VNĐ (bao gồm __% thuế GTGT)

Bằng chữ:

Thuế suất GTGT sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm nghiệm thu, thanh quyết toán hợp đồng.

Chi tiết giá Hợp Đồng như Phụ lục số 3.

Điều 6. Điều chỉnh Hợp Đồng

1. Điều chỉnh khối lượng công việc của Hợp đồng:

- Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng công việc:

+ Khi có phát sinh hợp lý những khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc quy định tại Phụ lục 1;

+ Khi Nhà nước thay đổi các chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng;

- + Khi dự án được điều chỉnh có ảnh hưởng đến hợp đồng;
 - + Các trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 18.2 ĐKC.
2. Điều chỉnh tiến độ của Hợp Đồng
- Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp Đồng
 - + Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác như quy định tại Điều 18.2 ĐKC;
 - + Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc theo yêu cầu của BÊN giao thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;
 - + Tạm dừng hợp đồng do lỗi của BÊN A, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp mà không do lỗi của BÊN B gây ra;
 - + Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của BÊN giao thầu gây ra;
 - + Khi Nhà nước thay đổi các chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng.

Điều 7. Nhân lực của BÊN B

BÊN B phải gửi văn bản thông báo cho BÊN A trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của BÊN A về việc thay đổi nhân sự.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

1. BÊN A có thể chấm dứt Hợp Đồng sau 28 ngày, nếu:
 - b) BÊN B không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà BÊN B không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong khoảng thời gian hợp lý do BÊN A ấn định và thông báo.
 - c) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp Đồng tư vấn], hoặc 56 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng, dẫn đến vi phạm tiến độ thực hiện theo thỏa thuận Hợp đồng, trừ trường hợp được phép của BÊN A.
2. BÊN B có thể chấm dứt Hợp Đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho BÊN A tối thiểu là 28 ngày, nếu:
 - a) Công việc bị ngừng do lỗi của BÊN A trong khoảng thời gian 56 ngày liên tục trừ trường hợp hai BÊN có thỏa thuận khác.
 - b) BÊN A không thanh toán cho BÊN B theo Hợp Đồng và không thuộc đối tượng tranh

chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 56 ngày kể từ ngày BÊN A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

- c) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà BÊN B không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 60 ngày.
3. BÊN A có quyền chấm dứt HỢP ĐỒNG vì sự thuận tiện của mình sau khi đưa ra Thông báo trước ba mươi (30) ngày cho BÊN B với điều kiện BÊN A không có quyền sử dụng điều khoản này để giao kết hợp đồng các BÊN khác, hoặc để tự thực hiện CÔNG VIỆC.
4. Hậu quả của chấm dứt HỢP ĐỒNG:
- Khi chấm dứt HỢP ĐỒNG, BÊN A sẽ thanh toán cho BÊN B các CÔNG VIỆC đã thực hiện theo HỢP ĐỒNG cho đến thời điểm chấm dứt HỢP ĐỒNG căn cứ theo tỷ trọng hoàn thành, cùng với các khoản bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm mà BÊN B và BÊN A đã thống nhất (nếu có).
 - BÊN A có quyền tiếp nhận từ BÊN B tất cả các tài liệu, thông tin, bảng tính và các sản phẩm giao nộp khác, bất kể là ở định dạng điện tử hay định dạng khác, liên quan đến công việc được thực hiện đến ngày chấm dứt HỢP ĐỒNG, cần thiết để BÊN A có thể hoặc tự hoàn thành công việc hoặc với sự trợ giúp của nhà thầu khác (tất cả các tài liệu định dạng điện tử phải có thể chỉnh sửa được).

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành sau khi BÊN B hoàn thành công việc quy định tại Phụ lục 1 – Phạm vi công việc.

Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, SẢN PHẨM do BÊN B cung cấp, BÊN A căn cứ vào HỢP ĐỒNG này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu SẢN PHẨM. Những sai sót trong SẢN PHẨM, BÊN B phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong HỢP ĐỒNG.

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp Đồng

Tiến độ thực hiện công việc được quy định cụ thể tại Phụ lục 1 – Phạm vi công việc, với tổng thời gian thực hiện CÔNG VIỆC là ___ ngày kể từ ngày HỢP ĐỒNG có hiệu lực;

Thời gian thực hiện công việc không bao gồm thời gian xem xét, thẩm định, góp ý quá hạn, điều chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của CÔNG TY, các cấp quản lý và cơ quan có thẩm quyền kể từ ngày BÊN B giao nộp bản chính thức SẢN PHẨM.

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng:

BÊN A sẽ tạm ứng cho BÊN B 20% GIÁ HỢP ĐỒNG sau khi HỢP ĐỒNG có hiệu lực và BÊN A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ sau:

- Công văn đề nghị thanh toán được ký bởi người có thẩm quyền của BÊN B: một (01) bản gốc;
- Bảo lãnh tạm ứng: một (01) bản gốc;

Số tiền tạm ứng sẽ được thu hồi theo tỷ lệ tương ứng với từng mốc thanh toán và thu hồi toàn bộ khi thanh toán đến 80% GIÁ HỢP ĐỒNG.

2. Tiến độ thanh toán

➤ Đợt 1: Sau khi BÊN B hoàn thành việc chuyển giao cho BÊN A các Báo cáo đánh giá phương án tiếp nhận VCNV và Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền chấp thuận khu vực tiếp nhận/nhận chìm VCNV đã được Chủ Đầu tư/Đại diện Chủ Đầu tư xem xét/chấp thuận để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, BÊN A sẽ thanh toán đến 40% giá trị Hợp đồng và thu hồi 50% giá trị tạm ứng cho BÊN B kể từ ngày BÊN A nhận được bộ hồ sơ thanh toán đầy đủ và hợp lệ gồm:

- + Công văn đề nghị thanh toán được đại diện có thẩm quyền của BÊN B ký: 01 bản gốc; 01 bản gốc;
- + Hóa đơn GTGT của BÊN B theo Quy định của Bộ Tài chính tương ứng đến 40% giá trị Hợp đồng: 01 bản hóa đơn điện tử;
- + Biên bản bàn giao Báo cáo đánh giá phương án tiếp nhận VCNV và Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền chấp thuận khu vực tiếp nhận/nhận chìm VCNV đã được Chủ Đầu tư/Đại diện Chủ Đầu tư xem xét/chấp thuận: 01 bản gốc;
- + Bộ Báo cáo về đánh giá phương án tiếp nhận VCNV và Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền chấp thuận khu vực tiếp nhận/nhận chìm VCNV đã được Chủ Đầu tư/Đại diện Chủ Đầu tư xem xét/chấp thuận để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét/phê duyệt: 01 bản gốc;
- + Biên bản xác nhận BÊN B đã hoàn thành công việc lập Báo cáo về đánh giá phương án tiếp nhận VCNV và Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền chấp thuận khu vực tiếp nhận/nhận chìm VCNV đã được Chủ Đầu tư/Đại diện Chủ Đầu tư xem xét/chấp thuận và được Đại diện có thẩm quyền của Hai BÊN ký: 01 bản gốc;

➤ Đợt 2: Sau khi BÊN B hoàn thành việc chuyển giao báo cáo Đánh giá tác động môi trường để BÊN A trình cấp thẩm quyền phê duyệt, thì BÊN A sẽ thanh toán cho BÊN B đến 80% giá trị Hợp đồng và thu hồi đến 100% giá trị tạm ứng. Hồ sơ thanh

toán gồm:

- + Công văn đề nghị thanh toán ký bởi người có thẩm quyền của BÊN B: 01 bản gốc;
 - + Hóa đơn GTGT tương ứng với giá trị được thanh toán ký bởi người có thẩm quyền của BÊN B: 01 bản hóa đơn điện tử và 01 bản gốc hóa đơn chuyên đổi;
 - + Biên bản bàn giao báo cáo Đánh giá tác động môi trường đã được chỉnh sửa có xác nhận của đại diện Hai BÊN: 01 bản gốc;
 - + Biên bản xác nhận hoàn thành chỉnh sửa báo cáo Đánh giá tác động môi trường được đại diện có thẩm quyền của Hai BÊN ký: 01 bản gốc;
- Đợt cuối: Sau khi Hai BÊN ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc theo Hợp đồng, BÊN A sẽ thanh toán đến 100% giá trị Quyết toán Hợp đồng cho BÊN B kể từ ngày BÊN A nhận được bộ hồ sơ thanh toán đầy đủ và hợp lệ gồm:
- + Công văn đề nghị thanh toán được đại diện có thẩm quyền của BÊN B ký: 01 bản gốc: 01 bản gốc;
 - + Hóa đơn GTGT của BÊN B theo Quy định của Bộ Tài chính tương ứng đến 100% giá trị quyết toán hợp đồng: 01 bản hóa đơn điện tử;
 - + Báo cáo đánh giá phương án tiếp nhận VCNV và Báo cáo dự án nhận chìm ở biển được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận/phê duyệt: 01 bản gốc;
 - + Văn bản thể hiện việc chấp thuận hoặc thống nhất chủ trương về vị trí nhận chìm vật chất nạo vét do UBND tỉnh hoặc Bộ NNMT ban hành cho Dự án: 01 bản sao;
 - + Báo cáo Đánh giá tác động môi trường ký bởi người có thẩm quyền của BÊN B: 01 bản gốc
 - + Biên bản nghiệm thu hoàn thành Công việc được đại diện có thẩm quyền của hai BÊN ký: 01 bản gốc;
 - + Biên bản quyết toán và thanh lý Hợp đồng được đại diện có thẩm quyền của hai BÊN ký: 01 bản gốc.
3. Việc thanh toán sẽ được thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ bộ hồ sơ yêu cầu thanh toán hợp lệ của BÊN B. Phí chuyển tiền tại ngân hàng BÊN nào thì BÊN ấy chịu.

Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là 15 ngày.
2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, các BÊN sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải. Thời gian để tiến hành hòa giải là 30 ngày.

Khoảng thời gian các BÊN được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật là 30 ngày.

Giải quyết tranh chấp: tranh chấp sẽ được giải quyết bằng trọng tài thương mại tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) theo quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này. Quyết định của trọng tài là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với CÁC BÊN.

Điều 13. Phạt, Bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm Hợp Đồng

Trong trường hợp BÊN B không đáp ứng tiến độ thực hiện hợp đồng, thì BÊN B bị phạt 0,1% GIÁ HỢP ĐỒNG cho mỗi tuần trễ tiến độ kể từ ngày hoàn thành CÔNG VIỆC theo quy định tại Phụ lục 1 – Phạm vi công việc, nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị HỢP ĐỒNG bị vi phạm.

2. Bồi thường thiệt hại

2.1 Nghĩa vụ bồi thường chung:

Mỗi BÊN cùng với nhân lực, nhà thầu, nhà thầu phụ hoặc đại diện hợp pháp của mình (“Bên bồi thường”) phải bồi thường, tự gánh chịu và giữ cho BÊN kia, cùng với nhân lực, nhà thầu, nhà thầu phụ hoặc đại diện hợp pháp của BÊN kia (“Bên được bồi thường”) không bị tổn hại khỏi mọi khiếu nại, yêu cầu, thiệt hại, tổn thất, chi phí hoặc nghĩa vụ (bao gồm cả chi phí pháp lý hợp lý) phát sinh từ hoặc liên quan đến:

- a) Hành vi vi phạm hợp đồng, vi phạm pháp luật, hoặc sơ suất của “Bên bồi thường” hoặc nhân lực, nhà thầu, nhà thầu phụ của “Bên bồi thường” trong quá trình thực hiện Hợp đồng;
- b) Tổn thất, hư hại về tài sản hoặc thương tích, tổn thất về sức khỏe, tính mạng của bên thứ ba do lỗi hoặc hành vi thiếu cẩn trọng của “Bên bồi thường” gây ra trong quá trình thực hiện Hợp đồng;
- c) Việc sử dụng tài liệu, số liệu, báo cáo hoặc sản phẩm tư vấn của “Bên bồi thường” vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bên thứ ba;

d) Hành vi gian lận, thiếu trung thực, tiết lộ thông tin mật hoặc sử dụng sai mục đích thông tin, tài liệu liên quan đến Hợp đồng của “Bên bồi thường”;

e) Các thiệt hại gián tiếp, thiệt hại mang tính hệ quả (như mất lợi nhuận, mất cơ hội kinh doanh).

Nghĩa vụ bồi thường theo Điều này tiếp tục có hiệu lực sau khi Hợp đồng hết hạn, bị chấm dứt hoặc hoàn thành cho đến khi các nghĩa vụ bồi thường được thực hiện đầy đủ.

2.2 Trách nhiệm bồi thường của BÊN B:

BÊN B chịu trách nhiệm bồi thường cho BÊN A mọi thiệt hại trực tiếp phát sinh do:

a) Lỗi chuyên môn, sai sót trong việc thực hiện công việc tư vấn không đúng quy định pháp luật hiện hành;

b) Vi phạm tiến độ, chất lượng, phạm vi công việc hoặc nghĩa vụ bảo mật thông tin được quy định trong Hợp đồng;

c) Yêu cầu của BÊN A về việc chấm dứt một phần hay toàn bộ hợp đồng do sai phạm của BÊN B. BÊN B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho BÊN A những chi phí vượt trội, bao gồm chi phí thuê đơn vị thay thế, chi phí xử lý, thiệt hại do chậm tiến độ đối với việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này theo Điều 20.1 **ĐKC**;

d) Việc không tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn, môi trường dẫn đến thiệt hại cho BÊN A hoặc bên thứ ba;

Mức bồi thường của BÊN B không vượt quá 100% giá trị Hợp đồng, trừ trường hợp có hành vi cố ý hoặc gian lận hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ Hợp đồng, khi đó BÊN A có quyền yêu cầu bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh, bao gồm cả chi phí khắc phục, thuê đơn vị thay thế xử lý thiệt hại.

2.3 Quy trình yêu cầu bồi thường

BÊN yêu cầu bồi thường phải gửi văn bản yêu cầu bồi thường trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát hiện thiệt hại, kèm theo các tài liệu chứng minh thiệt hại và căn cứ yêu cầu.

Hai BÊN có trách nhiệm thương lượng giải quyết trên tinh thần thiện chí trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không đạt được thỏa thuận, tranh chấp sẽ được xử lý theo Điều 25 **ĐKC** của Hợp đồng.

Trường hợp thiệt hại được phát hiện sau khi Hợp đồng chấm dứt, quyền yêu cầu bồi thường vẫn có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày phát hiện thiệt hại, nhưng không quá 24 tháng kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt.



*Hợp đồng Đánh giá tác động môi trường
Dự án Kho LNG Bắc Trung Bộ (Kho LNG Vũng Áng)*

Điều 14. Điều khoản chung

Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp Đồng này bao gồm ___ trang, và ___ Phụ lục được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi BÊN giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B